

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2021
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;
2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1974. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân T, sinh năm 1971. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện QS, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 02/01/2001. Trong thời gian chung sống, anh T thường xuyên say xỉn, chửi

mắng, đánh đập vợ con, gây ảnh hưởng đến việc học tập và tâm lý của các con. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 03 cháu tên là Trần Thị Thu H, sinh ngày 12/7/2002; Trần Viết H1, sinh ngày 31/5/2010 và Trần Viết Đ, sinh ngày 23/10/2013. Hiện nay, cháu H đã thành niên, đủ khả năng lao động nên chị không có yêu cầu gì. Chị yêu cầu được nuôi hai cháu H1 và Đ. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T cư trú tại thôn T, xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Chị D yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 02/01/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên say xỉn, chửi mắng và đánh đập vợ con. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp

luật. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3]. Về con chung: Hiện nay, cháu H đã thành niên, đủ khả năng lao động, chị D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị D yêu cầu được nuôi hai cháu H1 và Đ. Anh T không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Hai cháu H1 và Đ đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao các cháu H1, Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D về tranh chấp "ly hôn, nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Xuân T.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Viết H1, sinh ngày 31/5/2010 và Trần Viết Đ, sinh ngày 23/10/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001722 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09 - 4 - 2021), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (Giấy CNKH số 03 ngày 02/01/2001;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ